TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1364/2026/DS-PT
Ngày: 15/7/2026
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hiền
Các Thẩm phán: Bà Đỗ Thị Hòa
Bà Nguyễn Thị Kim Cương

- Thư ký phiên tòa: Bà Diệp Lê Quỳnh Anh - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Mạnh Thị Tú Uyên – Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 852/2026/TLPT-DS ngày 11 tháng 5 năm 2026, về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 303/2026/DSST ngày 09/3/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3541/2026/QĐ-PT ngày 01 tháng 6 năm 2026, ngày giờ mở lại phiên tòa được ấn định tại Quyết định hoãn phiên tòa số 9646/2026/QĐ-PT ngày 25/6/2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Văn X, sinh năm 1962; *(có mặt)*
Địa chỉ: số 26A TPC, phường AN, TP. Hồ Chí Minh.
Đại diện hợp pháp của nguyên đơn *(Giấy ủy quyền lập ngày 19/6/2026 tại Văn phòng công chứng T, TP. HCM, số công chứng 011182/2026/CCGD)*: Ông Lê Văn C, sinh năm 1972. *(có mặt)*

2. *Bị đơn*: Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1956;
Bà Phan Thị Mỹ P, sinh năm 1969;
Cùng địa chỉ: số 187 đường NVN, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Nguyễn Ngọc Phương D, sinh năm 2003 *(Giấy ủy quyền lập ngày 19/11/2025 tại Văn phòng công chứng H số công chứng 002632/2025/CCGD và Giấy ủy quyền lập ngày 28/11/2025 tại Văn phòng công chứng B số công chứng 012549/2025/CCGD). (có đơn xin xét xử vắng mặt)*

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*
Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1963;

Địa chỉ: số 26A TPC, phường AN, TP. Hồ Chí Minh.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn *(Giấy ủy quyền lập ngày 05/6/2026 tại Văn phòng công chứng T, TP. HCM, số công chứng 010229/2025/CCGD)*: Ông Lê Văn C, sinh năm 1972. *(có mặt)*

Người kháng cáo: Bị đơn - bà Phan Thị Mỹ P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn – ông Nguyễn Văn X trình bày:

Ông Nguyễn Văn X và ông Nguyễn Thanh T, bà Phan Thị Mỹ P có ký Hợp đồng mượn tiền ngày 05/12/2017, nội dung: ông X cho ông T, bà P vay số tiền là 1.000.000.000 đồng để kinh doanh với lãi suất 1.5%/tháng, thanh toán tiền từ ngày 05 đến ngày 10 hàng tháng.

Cùng ngày 05/12/2017 ông X đã giao đủ số tiền trên và ông T ký xác nhận đã nhận đủ.

Sau khi hết hạn vay tiền cho đến nay, ông T và bà P vẫn không thanh toán trả tiền cho ông X mặc dù ông X đã nhiều lần yêu cầu trả tiền.

Ông X xác định khoản tiền cho ông T, bà P là tài sản chung của ông và vợ là bà Nguyễn Thị T1.

Ngày 17/3/2025 nguyên đơn nộp đơn khởi kiện yêu cầu: ông Nguyễn Thanh T và bà Phan Thị Mỹ P trả cho vợ chồng nguyên đơn số tiền nợ 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu ông T, bà P phải trả lãi.

Bị đơn - ông Nguyễn Thanh T và bà Phan Thị Mỹ P do bà Nguyễn Ngọc Phương D là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông T xác nhận lời trình bày của nguyên đơn về giao dịch vay tiền nêu trên là đúng. Vợ chồng ông T, bà P có ký hợp đồng ngày 05/12/2017 vay ông X số tiền 1.000.000.000 đồng.

Mặc dù trong hợp đồng vay tiền ngày 05/12/2017 thì cả ông T và bà P cùng ký tên vay nhưng chỉ một mình ông T sử dụng số tiền vay này nên ông T xin một mình chịu trách nhiệm trả, đề nghị Tòa án không buộc bà P phải trả. Nếu nguyên đơn đồng ý một mình ông T chịu trách nhiệm trả thì ông T xin thời hạn 01 năm để trả khoản nợ trên. Ngoài ra ông T không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

Bà P xác nhận chữ ký trong Hợp đồng mượn tiền ngày 05/12/2017 là do bà P ký tên nhưng cho rằng khi giao nhận tiền thì chỉ một mình ông T là người nhận tiền và ông T sử dụng số tiền vay này vào việc kinh doanh riêng của ông T, bà P không sử dụng số tiền vay này nên không đồng ý cùng chịu trách nhiệm với ông T trả tiền theo yêu cầu của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Nguyễn Thị T1 có Bản tự khai ngày 26/12/2025, trình bày:

Bà T1 xác định số tiền 1.000.000.000 đồng cho ông T, bà P vay là tài sản chung của vợ chồng ông X bà T1 nên yêu cầu ông T, bà P trả lại số tiền trên cho vợ chồng bà.

Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh đã đưa vụ án ra xét xử và quyết định tại Bản án dân sự sơ thẩm số 303/2026/DSST ngày 09/3/2026 như sau:

Buộc ông Nguyễn Thanh T và bà Phan Thị Mỹ P có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn X và bà Nguyễn Thị T1 số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ phát sinh khi chậm thi hành án, án phí, quyền và nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 23/3/2026, bị đơn – bà Phan Thị Mỹ P kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu sửa bản án theo hướng không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bà P cùng chịu trách nhiệm với ông T trả tiền cho ông X, bà T1.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bà P có người đại diện có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt người kháng cáo. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến diễn biến phiên tòa phúc thẩm, các đương sự được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung kháng cáo: kháng cáo của bà P không có cơ sở để chấp nhận, đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức: Kháng cáo của bà P trong thời hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định nên được chấp nhận để xem xét lại bản án theo thủ tục phúc thẩm.

Các đương sự vắng mặt và có Đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử đối với kháng cáo của bà P.

[2] Về nội dung kháng cáo: bị đơn yêu cầu xem xét lại bản án sơ thẩm và sửa bản án sơ thẩm theo hướng không buộc bà P chịu trách nhiệm trả tiền cho ông X, bà T1, với lý do: chỉ có ông T nhận tiền nên một mình ông T ký tên nhận tiền, còn bà P không nhận số tiền vay này. Bà P cũng không sử dụng số tiền vay này. Hiện tại, giữa bà P và ông T "*là mối quan hệ độc lập không phải là vợ chồng*".

Xét thấy:

Bà P thừa nhận có ký tên cùng với ông T, vào Hợp đồng mượn tiền ngày 05/12/2017 để vay ông X số tiền 1.000.000.000 đồng. Cùng ngày 05/12/2017, ngay bên dưới chữ ký của bà P tại Hợp đồng mượn tiền, ông T ký nhận xác nhận đã nhận đủ số tiền vay. Như vậy, việc bà P cho rằng chỉ có ông T nhận tiền còn bà P không ký nhận tiền là không cùng với ông T vay tiền của ông X là không hợp lý.

Bà P và ông T cùng vay tiền, dù số tiền đó bà P tự nguyện hoặc đồng ý để một mình ông T sử dụng là thỏa thuận riêng giữa bà P và ông T, không liên quan đến việc trả tiền cho ông X vì ông X chỉ đồng ý cho cả ông T và bà P cùng vay nên ông T và bà P phải cùng chịu trách nhiệm trả tiền cho ông X.

Bà P cho rằng giữa bà P và ông T không phải là vợ chồng nhưng không có tài liệu chứng cứ chứng minh tại thời điểm vay bà P là người độc thân hoặc giấy tờ chứng minh đã chấm dứt quan hệ vợ chồng với ông T. Hơn thế, dù tồn tại hay không tồn tại quan hệ hôn nhân với ông T, việc bà P cùng tham gia quan hệ vay tài sản với ông T thì cùng phải chịu trách nhiệm để trả. Do bà P không chứng minh được mối quan hệ tài sản độc lập với ông T nên bà P phải chịu trách nhiệm liên đới với ông T trả nợ vay cho ông X, bà T1.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với các phân tích nêu trên, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Phan Thị Mỹ P, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên đương sự kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 148, Điều 271, 272, 273, 276, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn – bà Phan Thị Mỹ P.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 303/2026/DSST ngày 09/3/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh, như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Nguyễn Thanh T và bà Phan Thị Mỹ P có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn X và bà Nguyễn Thị T1 số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Thanh T được miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, bà Phan Thị Mỹ P phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 21.000.000 đồng (Hai mươi mốt triệu đồng).

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phan Thị Mỹ P phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu số 0019335 ngày 30/3/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, bà Phan Thị Mỹ P đã nộp đủ tiền án phí.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Khu vực 7 - TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- Phòng THADS Khu vực 7 - TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu/17.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Hiền